TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày: 29-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Hoài
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lê Bá Chu
  2. Bà Phạm Thị Mỹ Huyền

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Dũng; là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tân; Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2022/TLST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Văn U** (Tên gọi khác: U Chọt); sinh năm 1981 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi ĐKHKTT: Khóm TT, Phường h, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Thôn TĐ, xã QT, huyện QĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông: Võ Văn H (Đã chết); con bà: Đỗ Thị C (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị L; sinh năm 1994; con: Có 01 con; sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 24/3/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa:

- Luật sư Phan Thị Lệ Thủy, Văn phòng Luật sư Phan Lệ Thủy, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo Võ Văn Út. Có mặt.

Người bị hại:

- Bà Trần Thị Thu H; sinh năm 1993; nơi cư trú: 367/8/13/15 PĐP, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Võ Văn U từ Sóc Trăng lên thành phố ĐL làm nhân viên tại Cửa hàng dịch vụ cầm đồ Thành Đạt, tại địa chỉ 04 PĐP, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng do vợ chồng Trần Thị Thu H, Nguyễn Thanh P làm chủ. Thời gian đầu U theo học việc và phụ giúp các việc vặt trong cửa hàng. Khoảng 02 tháng sau, khi đã quen việc, U được bà H giao cho quyền quản lý và kinh doanh tại tiệm cầm đồ. Hàng ngày, bà H giao cho U một khoản tiền nhất định để U thực hiện việc kinh doanh của cửa hàng cầm đồ trong ngày. U trực tiếp định giá tài sản của khách cầm đồ hoặc trả hàng khi khách chuộc hàng. Đến cuối ngày, U thông báo cho bà H biết về doanh thu của cửa hàng trong ngày và đưa tiền thu được cho bà H. Vào ngày cuối tháng, U cùng bà H hoặc ông Nguyễn Thanh P (*chồng bà H*) sẽ kiểm tra kho cầm đồ, đối chiếu các mặt hàng trong kho với các hợp đồng cầm cố. Đến năm 2019, thì U được bà H giao thêm công việc thu tiền huê và giao tiền huê trong các giây huê ngày và huê tháng do bà H làm cái.

Đến tháng 11/2020, U tham gia đánh bạc bằng hình thức bài cào ba lá thông qua một trang Web trên mạng Internet, để có tiền đánh bạc nên hàng ngày khi khách đến chuộc hàng đã cầm, U trả hàng và lấy tiền từ khách (cả gốc và lãi) nhưng không hủy hợp đồng cầm cố và không thông báo cho bà H biết mà sử dụng số tiền này để đánh bạc.

Ngày 30/11/2020, U đi thu tiền huê cho bà H với tổng số tiền 330.000.000đ, sau khi thu được số tiền này, U không chồng huê theo yêu cầu của bà H mà sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Đến ngày 02/12/2020, sau khi đánh bạc hết toàn bộ số tiền 330.000.000đ, U đã thú nhận với bà H về việc đã dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc mà không chồng huê theo yêu cầu của bà H. Lúc này bà H yêu cầu U cùng bà H kiểm tra kho cầm đồ thì phát hiện ra việc U đã trả lại cho khách 43 mặt hàng theo 43 hợp đồng cầm cố với tổng số tiền là 373.500.000đ *(Ba trăm bảy ba triệu năm trăm ngàn đồng*) nhưng không thông báo cho bà H biết và cũng không giao tiền cho bà H mà sử dụng để đánh bạc. Lúc này U viết giấy tay xác nhận việc chiếm đoạt của bà H tổng số tiền là 703.500.000đ *(Bảy trăm linh ba triệu năm trăm ngàn đồng)* trên 02 tờ giấy vở ô ly cùng đề ngày 02/12/2020 đưa cho bà H giữ và cam kết sẽ thu xếp trả lại tiền cho bà H. Tuy nhiên, do không có tiền trả cho bà H nên U đã đi khỏi Thành phố ĐL và cắt liên lạc với bà H.

Như vậy, lợi dụng sự tin tưởng của bà Trần Thị Thu H khi giao cho Võ Văn U quản lý cửa hàng cầm đồ, nhận đồ, trả đồ và nhận tiền của khách cầm đồ

và đi thu tiền huê của các con huê do bà H làm chủ nên U đã lấy tiền của khách cầm đồ, thu tiền huê mà không đưa lại cho bà H, không mang chồng huê theo yêu cầu cùa bà H mà mang toàn bộ số tiền đã thu được để đánh bạc qua mạng. Tổng số tiền mà Võ Văn U chiếm đoạt là **703.500.000đ.**

Võ Văn Út sử dụng toàn bộ số tiền 703.500.000đ chiếm đoạt của bà H để đánh bạc qua mạng Internet.

- Tại bản kết luận giám định số 116/KL-PC09 ngày 25/02/2022 của phòng KTHS Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Chữ ký ghi họ tên Võ Văn U trên các tài liệu cần giám định (Hai tờ giấy vở ô ly đề ngày 02/12/2022 nêu trên) so với chữ ký của Võ Văn U trên các tài liệu so sánh (bản tự khai của Võ Văn U đề ngày 18/1/2022) là do cùng một người ký ra.

Vật chứng thu giữ:

Cơ quan CSĐT thu giữ:

- 01 bản gốc vở ô ly đề ngày 02/12/2020 thể hiện nội dung Võ Văn U có qua mặt bà Trần Thị Thu H lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ trả (gồm 01 tờ giấy vở ô ly 02 trang);

- 01 bản gốc giấy vở ô ly đề ngày 02/12/2020, thể hiện nội dung Võ Văn U kê khai 43 trường hợp trả đồ và lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ và lấy số tiền 330.000.000đ của chị Trần Thị Thu H (gồm 01 tờ giấy vở ô ly, 03 trang);

- 43 hợp đồng cầm cố của dịch vụ cầm đồ Thành Đạt (Liên 2) thể hiện 43 lần Võ Văn U cầm đồ cho khách.

Trách nhiệm dân sự:

Bà Trần Thị Thu H yêu cầu Võ Văn U trả lại số tiền 703.500.000đ đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 02/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Võ Văn U về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như bản cáo trạng truy tố; không khiếu nại thắc mắc.

Bị hại không thắc mắc gì về bản cáo trạng; không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 703.500.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Võ Văn U về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; mức án từ 13 năm tù đến 14 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu hồ sơ vụ án đối với những tài liệu đã thu giữ gồm 01 bản gốc vở ô ly đề ngày 02/12/2020 thể hiện nội dung Võ Văn U có qua mặt bà Trần Thị Thu H lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ trả (gồm 01 tờ giấy vở ô ly 02 trang); 01 bản gốc giấy vở ô ly đề ngày 02/12/2020, thể hiện nội dung Võ Văn U kê khai 43 trường hợp trả đồ và lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ và lấy số tiền 330.000.000đ của chị Trần Thị Thu H (gồm 01 tờ giấy vở ô ly, 03 trang); 43 hợp đồng cầm cố của dịch vụ cầm đồ Thành Đạt (Liên 2) thể hiện 43 lần Võ Văn U cầm đồ cho khách.

Luật sư Phan Thị Lệ Thủy bào chữa cho bị cáo Võ Văn U thống nhất về nội dung cáo trạng, về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo chỉ xâm phạm đến 01 người bị hại nên đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không tranh luận; người bị hại giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo; người bị hại không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lợi dụng sự tin tưởng của bà Trần Thị Thu H khi giao toàn bộ việc quản lý cửa hàng cầm đồ và đi thu tiền huê do bà Hạnh làm cái nên Võ Văn U đã lấy tiền của khách đến chuộc đồ cầm cố số tiền 373.500.000đ và đi thu tiền huê mà không đưa lại cho bà H, không mang tiền chồng huê theo yêu cầu của bà H với số tiền 330.000.000đ mà mang toàn bộ số tiền đã thu được để đánh bạc qua mạng. Tổng số tiền mà Võ Văn U chiếm đoạt là 703.500.000đ.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Kết luận giám định,

Biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Văn U phạm vào tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần quyết định mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bị cáo phạm tội lần đầu nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và chỉ có bố bị cáo là người có công với cách mạng nên chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; việc Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có căn cứ để chấp nhận; bị cáo phạm tội nhiều lần (trên 02 lần), mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Luật sư đề nghị không áp dụng tình tiết này quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử đã giải thích pháp luật nhưng người bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu hồ sơ vụ án đối với những tài liệu đã thu giữ gồm 01 bản gốc vở ô ly đề ngày 02/12/2020 thể hiện nội dung Võ Văn U có qua mặt bà Trần Thị Thu H lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ trả (gồm 01 tờ giấy vở ô ly 02 trang); 01 bản gốc giấy vở ô ly đề ngày 02/12/2020, thể hiện nội dung Võ Văn U kê khai 43 trường hợp trả đồ và lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ và lấy số tiền 330.000.000đ của chị Trần Thị Thu H (gồm 01 tờ giấy vở ô ly, 03 trang); 43 hợp đồng cầm cố của dịch vụ cầm đồ Thành Đạt (Liên 2) thể hiện 43 lần Võ Văn U cầm đồ cho khách.

Quá trình điều tra xác định: Trong các số tài khoản ngân hàng mà trang Web đánh bạc cung cấp để Út chuyển tiền đánh bạc thì U xác định được 07 số tài khoản mở tại Ngân hàng Vietcombank gồm:

- Số tài khoản 0721000668933 mang tên NGUYEN VAN T; chủ tài khoản là anh Nguyễn Văn T; Sinh năm 2002; HKTT: 1416/31/35 đường số N, phường MB, Quận GV, TP Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản 0911000071199 mang tên DAO TRONG N; chủ tài khoản là anh Đào Trọng N; Sinh năm 2003; HKTT: 507 LQĐ, phường MM, Quận GV, TP Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản 0911000061963 mang tên LE THI THUY T; chủ tài khoản là chị Lê Thị Thùy T; Sinh năm 2000; HKTT: 137 đường MB, phường MM, Quận GV, TP Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản 0331000516223 mang tên NGUYEN VAN H; chủ tài khoản là anh Nguyễn Văn H; Sinh năm 2001; HKTT: Thôn M, xã TM, huyện NTM, tỉnh Quảng Nam.

- Số tài khoản 0911000050475 mang tên PHAM CAO C; chủ tài khoản là anh Phạm Cao C; Sinh năm 2000; HKTT: 662/47 PVT, Phường M, Quận GV, TP Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản 1017142693 mang tên NGUYEN TIEN D; chủ tài khoản là anh Nguyễn Tiến D; Sinh ngày 11/7/2003; HKTT: Thôn T, xã HB, huyện TN, TP Hải Phòng.

- Số tài khoản 1015934188 mang tên BUI NGUYEN THE M; chủ tài khoản là ông Bùi Nguyễn Thế M; sinh năm 1971; HKTT: Ấp AT, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình điều tra xác minh thể hiện: Có 06 trường hợp là chủ các tài khoản gồm: Nguyễn Văn T, Đào Trọng N, Lê Thị Thùy T, Nguyễn Văn H, Phạm Cao C và Nguyễn Tiến D; cả 06 trường hợp này khai nhận đều được những người không rõ nhân thân lai lịch cho tiền để mở tài khoản ngân hàng sau đó giao lại cho người đó sử dụng mà không biết tài khoản Ngân hàng của mình được sử dụng vào việc gì, không biết, không sử dụng số tiền người khác chuyển vào tài khoản ngân hàng của mình nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với trường hợp của Bùi Nguyễn Thế M, trú tại huyện CB, tỉnh Tiền Giang, do M đã đi khỏi địa phương từ năm 2017 đến nay nên không xác định được M đang làm gì, ở đâu nên chưa làm việc được với M nên chưa có căn cứ để xem xét đối với hành vi của Bùi Nguyễn Thế M, Cơ quan CSĐT đã tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn U phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn U** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/3/2022.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu hồ sơ vụ án đối với những tài liệu đã thu giữ gồm 01 bản gốc vở ô ly đề ngày 02/12/2020 thể hiện nội dung Võ Văn U có qua mặt bà Trần Thị Thu H lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ trả (gồm 01 tờ giấy vở ô ly 02 trang); 01 bản gốc giấy vở ô ly đề ngày 02/12/2020, thể hiện nội dung Võ Văn U kê khai 43 trường hợp trả đồ và lấy tiền chuộc vàng, điện thoại, xe của khách cầm đồ và lấy số tiền 330.000.000đ của chị Trần Thị Thu H (gồm 01 tờ giấy vở ô ly, 03 trang); 43 hợp đồng cầm cố của dịch vụ cầm đồ Thành Đạt (Liên 2) thể hiện 43 lần Võ Văn U cầm đồ cho khách.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Võ Văn U phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- Vụ GĐKT1-TANDTC (1)
- Phòng KTNV&THA (3);
- Phòng PV 27-CALĐ (1);
- Cơ quan CSĐTCA Lâm Đồng (2);
- Cơ quan THAHSCA Lâm Đồng (2);
- Bị cáo (1); Bị hại (6); NBC (1);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Trại tạm giam (2);
- Hồ sơ THAHS (3);
- Lưu hồ sơ vụ án (1); Án văn (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Duy Hoài